

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **290** /2025/DS-ST
Ngày: 18-9-2025
*“V/v Tranh chấp hoạt động
cung ứng dịch vụ thanh toán”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2
- Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 68/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025, về việc: *“Tranh chấp hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T.

Trụ sở: Tòa nhà T1, số E phố L, phường C (phường T, quận H cũ), thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng các nhân - Khối Giám sát tín dụng và xử lý nợ khách hàng cá nhân T1 (*theo Giấy ủy quyền số 05/2025/GUQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP T*).

Ông Đinh Việt C ủy quyền cho ông Trần Duy Q (*theo Giấy ủy quyền số 2189/2025/GUQ-TPB.CM ngày 13/6/2025 của Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân*).

Địa chỉ liên hệ: Số D N, phường C, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Trần Phước L, sinh năm 1981

Căn cước công dân số: 0201492650, ngày cấp: 22/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: P, Chung cư D đường H, phường S (phường N, quận S cũ), thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Duy Q trình bày:*

Ngày 02/8/2022, ông Trần Phước L có đề nghị mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần T (T1) thông qua hình thức trực tuyến (online) theo quy định của Ngân hàng. Sau khi đánh giá khách hàng, ngày 02/8/2022 Ngân hàng thương mại cổ phần T đã chấp thuận đề nghị của ông Trần Phước L, đồng thời phát hành cho ông Trần Phước L một thẻ tín dụng với thông tin: Số thẻ: 498796xxxxxx7651; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế T1 hạng Silver. Hạn mức thẻ tín dụng: 19.000.000 đồng. Mục đích: Thanh toán, tiêu dùng; Lãi suất áp dụng: Lãi suất cho vay trong hạn (lãi giao dịch): 43.20%/năm. (Căn cứ Quyết định số 1404/2022/QĐ-TPB RB, có hiệu lực ngày 07/12/2022: Quyết định số 867/2023/QĐ-TPB RB, có hiệu lực ngày 21/07/2023 của T1). Nguyên tắc tính lãi giao dịch: (Căn cứ Điều 4.2 (a) - Chương II - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 034/2021/SP-TPB. RB, có hiệu lực ngày 14/09/2021).

Đối với các giao dịch phải chịu lãi theo quy định này, tiền lãi được tính trên dư nợ giao dịch của KH và thời gian vay thực tế (từ ngày các giao dịch được cập nhật thành công vào hệ thống quản lý thẻ T1 đến ngày KH hoàn trả hết dư nợ). Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và hạch toán thu vào ngày sao kê. Lãi trong hạn được T1 quy định trong từng thời kỳ.

Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Nguyên tắc tính lãi quá hạn: (Căn cứ Điều 4.2 (b) - Chương II - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 034/2021/SP-TPB RB, có hiệu lực ngày 14/09/2021). Vào ngày đến hạn thanh toán, KH không trả nợ hoặc trả ít hơn giá trị thanh toán tối thiểu thì Ngày sau ngày đến hạn thanh toán là ngày bắt đầu quá hạn, KH phải trả phí chậm thanh toán theo quy định của T1 và Nếu số ngày quá hạn dưới 60 ngày: KH sẽ chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất kể từ ngày bắt đầu quá hạn đến ngày KH hoàn trả hết dư nợ quá hạn. Nếu số ngày quá hạn từ 60 ngày trở lên: KH sẽ phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với toàn bộ dư nợ Thẻ chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất kể từ ngày bắt đầu quá hạn đến ngày KH hoàn trả hết dư nợ quá hạn.

Phí phạt chậm trả: 4,4% số tiền chậm thanh toán (Căn cứ Phụ lục 03: Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế T1 - Quyết định số 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/06/2021 của T1). Nguyên tắc tính lãi: (Căn cứ Điều 4.2 (c) – Chương II - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 034/2021/SP-TPB.RB, có hiệu lực ngày 14/09/2021) Được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số tiền chậm trả nợ. Nếu số ngày quá hạn dưới 60 ngày: KH phải chịu khoản tiền phí do chậm trả nợ số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất tại ngày quá

hạn. Nếu số ngày quá hạn từ 60 ngày trở lên: KH phải chịu khoản tiền phí do chậm trả nợ trên toàn bộ dư nợ Thẻ chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất tại ngày quá hạn.

Ngày mở thẻ: 03/8/2022; Thời hạn sử dụng thẻ: Từ ngày 03/8/2022 đến ngày 31/8/2027. Ngày sao kê: Ngày 20 hàng tháng, T1 thực hiện sao kê thẻ tín dụng quốc tế T1 VISA trong đó liệt kê toàn bộ giao dịch thẻ KH đã thực hiện và được tổ chức thẻ quốc tế quyết toán trong kỳ (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng gửi sao kê) và gửi sao kê cho KH qua địa chỉ thư điện tử KH đăng ký với T1 được lưu trên hệ thống thẻ của T1 tối đa 05 ngày từ sau ngày 20 hàng tháng.

Ngày đến hạn thanh toán: Ngày 05 hàng tháng hoặc ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ), Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ hoặc ít nhất bằng số tiền thanh toán tối thiểu ghi trên sao kê.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Trong quá trình sử dụng thẻ, cho đến nay, tổng số tiền ông Trần Phước L đã giao dịch, sử dụng bằng thẻ là 132,880,000 đồng; Số tiền ông Trần Phước L thanh toán cho T1 là 113,895,000 đồng, bao gồm số tiền gốc: 113,895,000 đồng, lãi, phí: 0 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo khoản 1 Điều 6 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T1, số hiệu 034/2021/SP-TPB.RB).

Từ ngày 05/04/2023, ông Trần Phước L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại T1 đã làm việc, gửi thông báo nhắc nợ nhưng không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông Trần Phước L. Việc vi phạm nghĩa vụ của ông Trần Phước L như trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của T1. Do ông Trần Phước L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 06/07/2023 T1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. (Căn cứ theo khoản 3.b Điều 6 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T1, số hiệu 034/2021/SP-TPB.RB).

Tại đơn khởi kiện, T1 yêu cầu ông Trần Phước L thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/6/2025 là: 68,370,717 đồng. Trong đó: Nợ gốc 18,985,000 đồng; nợ lãi, phí phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ 49,385,717 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ngày 18/9/2025, T1 xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ phí phạt chậm trả là 18,628,470 đồng. Như vậy, số tiền ông Trần Phước L phải thanh toán cho T1 tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 49,742,247 đồng. Trong đó: Nợ gốc thẻ: 18,985,000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9,613,385 đồng; nợ lãi quá hạn: 20,858,862 đồng; nợ phí thường niên: 285,000 đồng.

Ông Trần Phước L phải thanh toán các khoản phát sinh (lãi, lãi phạt) trên tổng số tiền chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận của đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T1 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 02/8/2022 và các văn bản kèm theo kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi ông Trần Phước L thanh toán hết các nghĩa vụ cho T1.

** Bị đơn ông Trần Phước L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông L trong hồ sơ vụ án và*

không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: “*Tranh chấp hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” giữa Ngân hàng TMCP T và ông Trần Phước L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Trần Phước L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Phước L.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 02/8/2022, ông Trần Phước L có đề nghị mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần T (T1) thông qua hình thức trực tuyến (online) theo quy định của T1. Theo đó hai bên cam kết đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cùng với mẫu đơn này tạo nên hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng TMCP T đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Phước L với hạn mức sử dụng là 19.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng để thanh toán, tiêu dùng. Ông Trần Phước L được Ngân hàng thông báo về mức lãi suất cụ thể là 43.20%/năm (Lãi suất trong hạn) và được T1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Căn cứ vào thu nhập của ông Trần Phước L, T1 đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 19.000.000 đồng với mục đích thanh toán, tiêu dùng cho ông Trần Phước L. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 03/8/2022 đến ngày 20/3/2023, ông Trần Phước L đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ với tổng số tiền là 132,880,000 đồng, ông Trần Phước L thanh toán cho T1 là 113,895,000 đồng, bao gồm số tiền gốc: 113,895,000 đồng, lãi, phí: 0 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo khoản 1 Điều 6 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T1, số hiệu 034/2021/SP-TPB.RB)

Từ ngày 05/4/2023, ông Trần Phước L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên T1 đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông L. Việc vi phạm nghĩa vụ của ông L như trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của T1. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 06/7/2023 T1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. (Căn cứ theo khoản 1 Điều 6 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T1, số hiệu 034/2021/SP-TPB.RB).

Tính đến ngày 18/9/2025, ông Trần Phước L còn nợ T1 số tiền 49,742,247 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc thẻ: 18,985,000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9,613,385

đồng; nợ lãi quá hạn: 20,858,862 đồng; nợ phí thường niên: 285,000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi ông Trần Phước L thanh toán hết các nghĩa vụ cho T1.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP T với ông Trần Phước L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 05/4/2023, ông L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 06/7/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn; tính đến ngày 18/9/2025, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 49,742,247 đồng. Trong đó: Nợ gốc thẻ: 18,985,000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9,613,385 đồng; nợ lãi quá hạn: 20,858,862 đồng; nợ phí thường niên: 285,000 đồng. HĐXX xét thấy, ông Trần Phước L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 6 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như đã ký kết. Việc khởi kiện của T1 yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 19/9/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T1 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 02/8/2022 cho đến khi ông L thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[4] Đối với yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ phí phạt chậm trả là 18,628,470 đồng của đại diện nguyên đơn thì thấy: Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với phần thay đổi yêu cầu trên của đại diện nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T được chấp nhận nên bị đơn là ông L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông L phải chịu là 2.487.112 đồng (*Hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười hai đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
- Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;
- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*" của Ngân hàng TMCP T đối với ông Trần Phước L.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Phước L phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tính đến ngày 18/9/2025 là 49,742,247 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc thẻ: 18,985,000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9,613,385 đồng; nợ lãi quá hạn: 20,858,862 đồng; nợ phí thường niên: 285,000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2025 trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T1 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 02/8/2022 cho đến khi ông Trần Phước L thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.487.112 đồng (*Hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười hai đồng*) ông Trần Phước L phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 1.709.268 đồng (*Một triệu bảy trăm linh chín nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng*) theo Biên lai thu số 0001040 ngày 23/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện KSND khu vực 2 - Đà Nẵng;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS TP.Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Vũ